CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

Ngày 31/12/2025	11,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**-**	**-8.7%**

DT thuần
Q4/25
98.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 75.4| 321%
YoY: ▼490| -83.2%

LN thuần
Q4/25
5.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.86| 1214%
YoY: ▼113| -95.5%

LN sau thuế
Q4/25
3.23
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.08| 2051%
YoY: ▼72.4| -95.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
6.3%
YoY: +/-▼ 5.5%

ROE
2025
0.6%
YoY: +/-▼ 13.8%

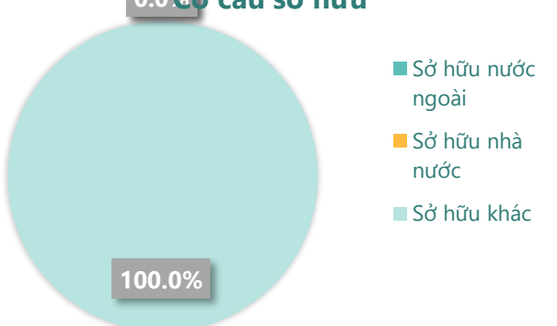
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 16,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	175
Số lượng CPLH (CP)	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,705
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.08
EPS	164
P/E	70.9

DT thuần
2025
156
tỷ VNĐ
YoY: ▼750| -82.8%

LN thuần
2025
6.14
tỷ VNĐ
YoY: ▼121| -95.2%

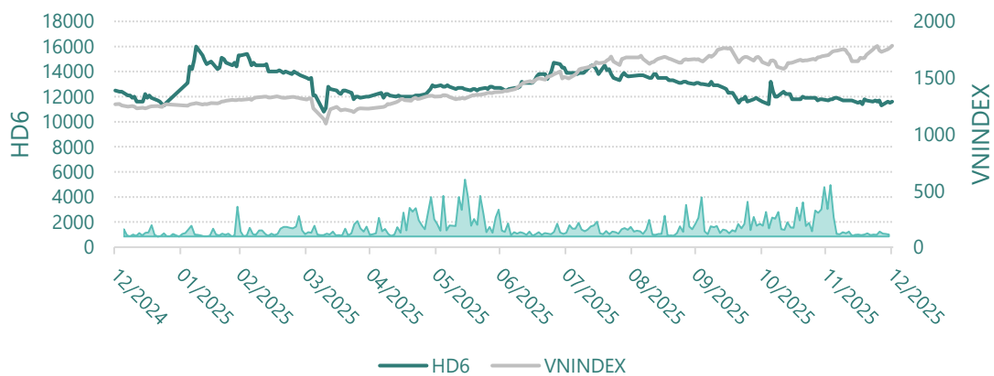
LN sau thuế
2025
4.79
tỷ VNĐ
YoY: ▼75.9| -94.1%

Cơ cấu sở hữu

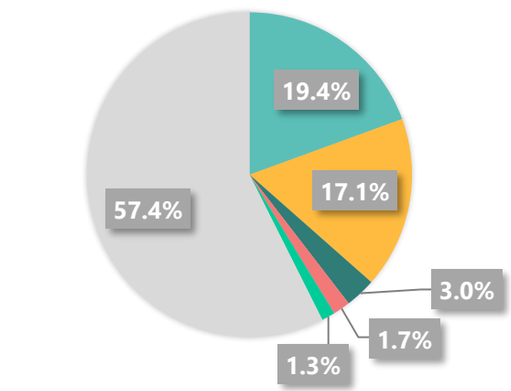


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

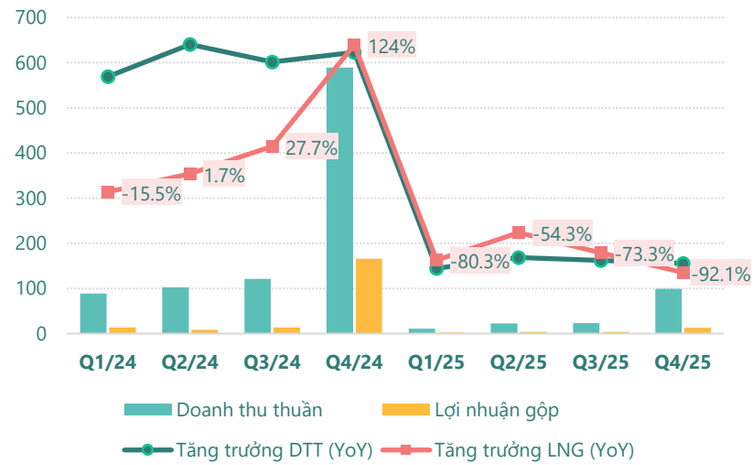


- Lê Quốc Bình (Chủ tịch HĐQT)
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội
- Vũ Tuấn Anh (Thành viên HĐQT)
- Phạm Ngọc Chiến (Thành viên HĐQT)
- CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

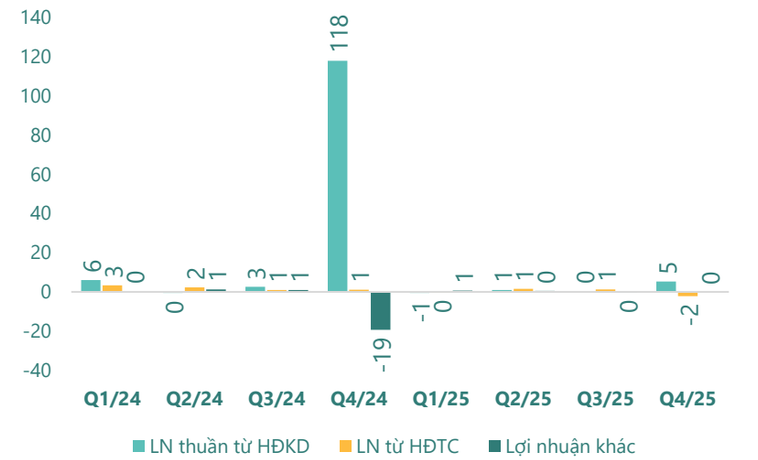
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



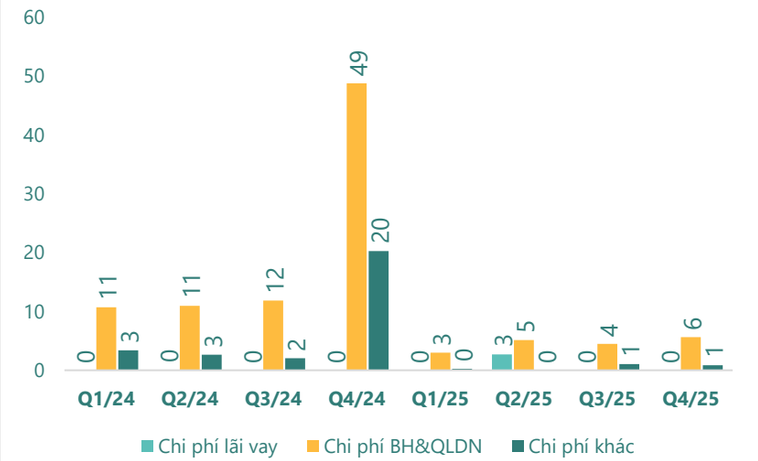
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



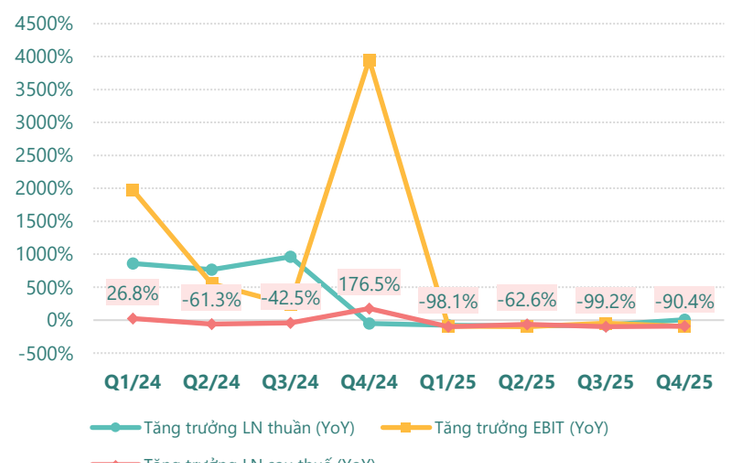
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



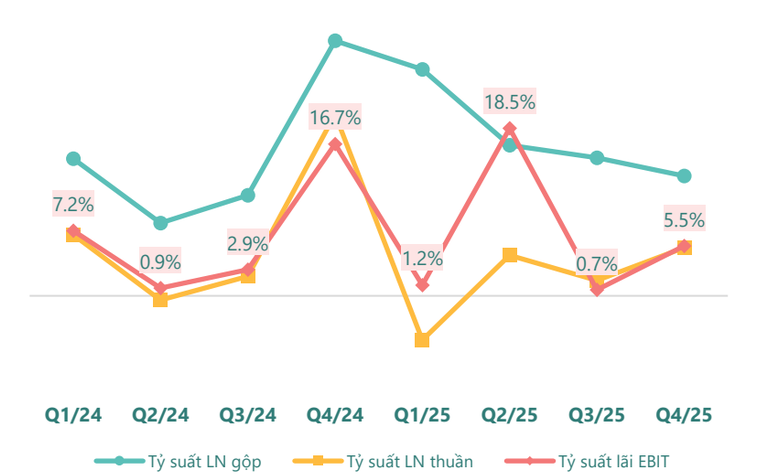
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



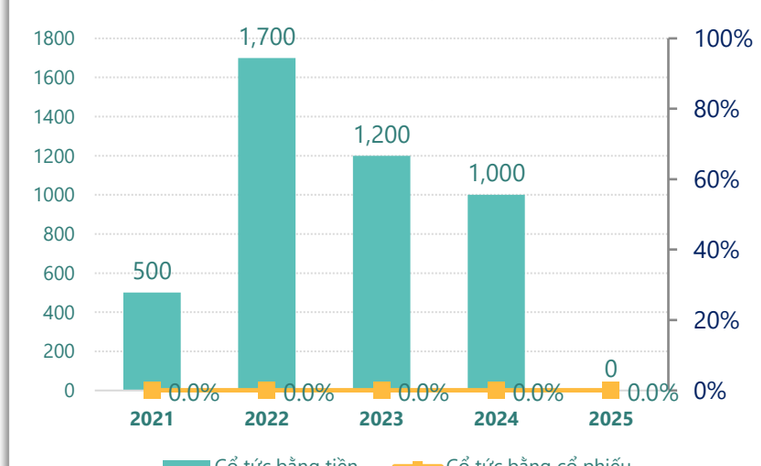
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

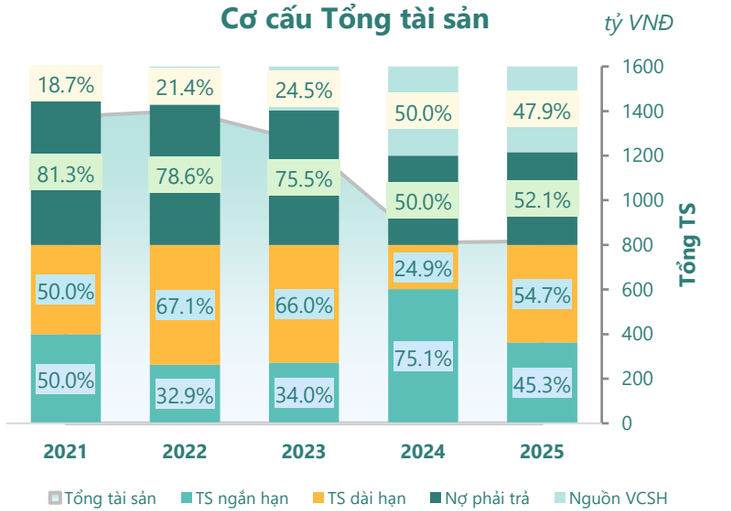
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

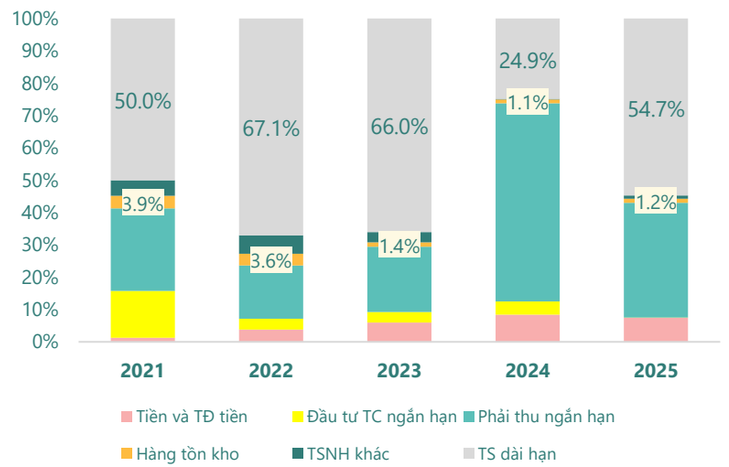
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



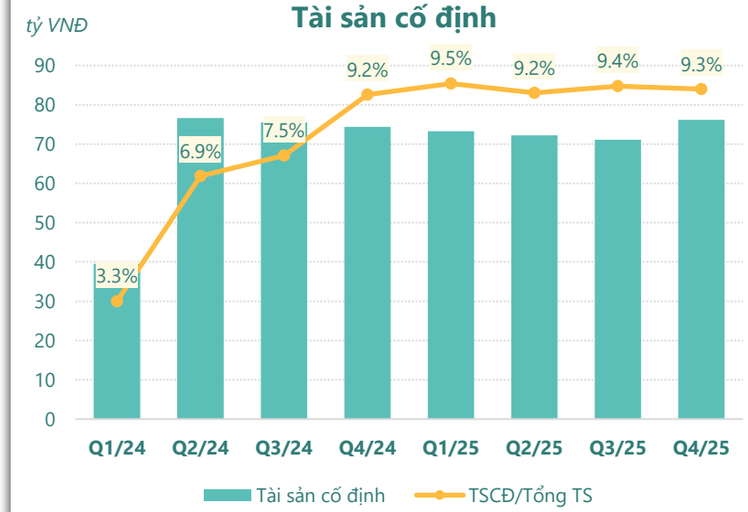
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



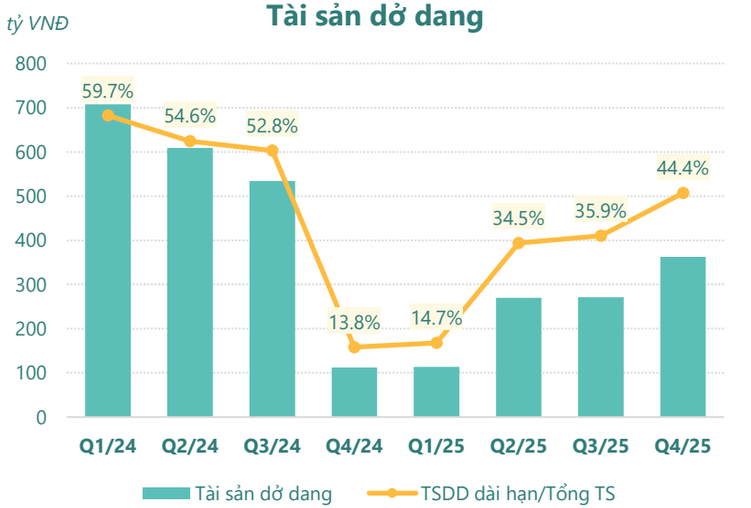
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



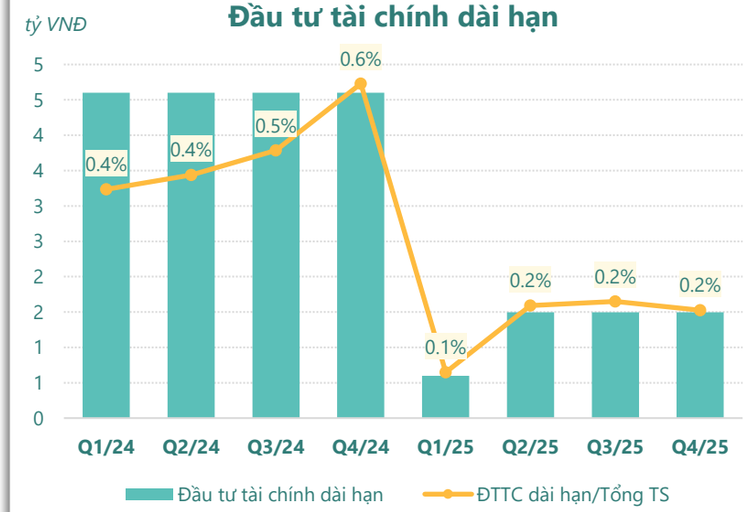
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



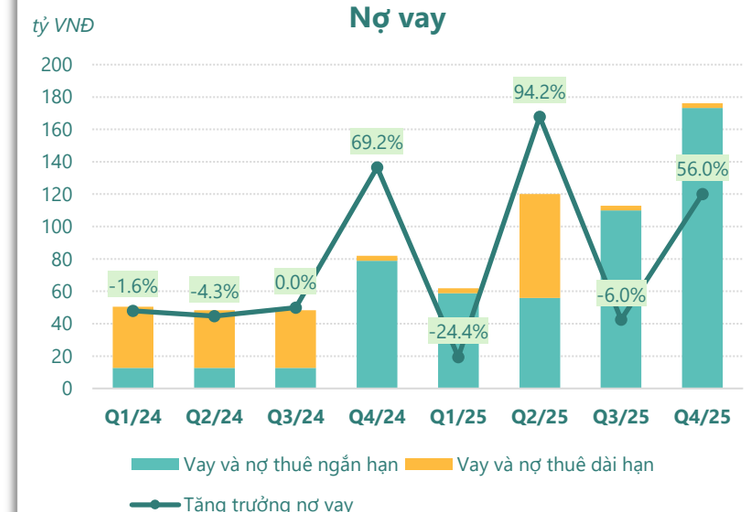
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

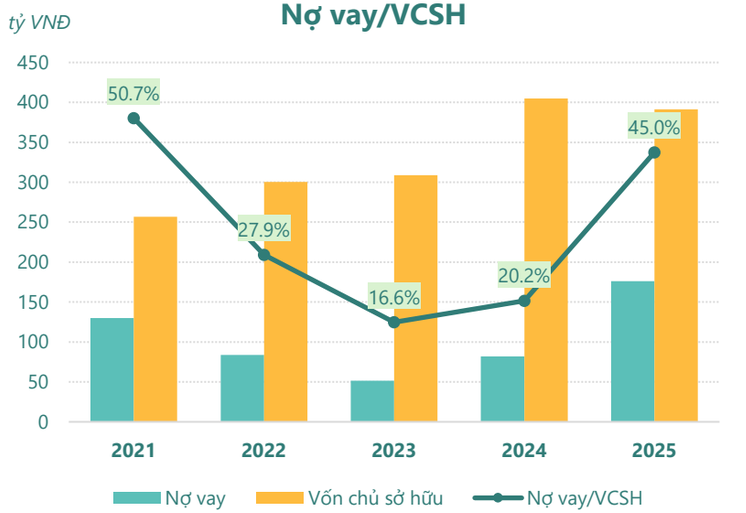
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

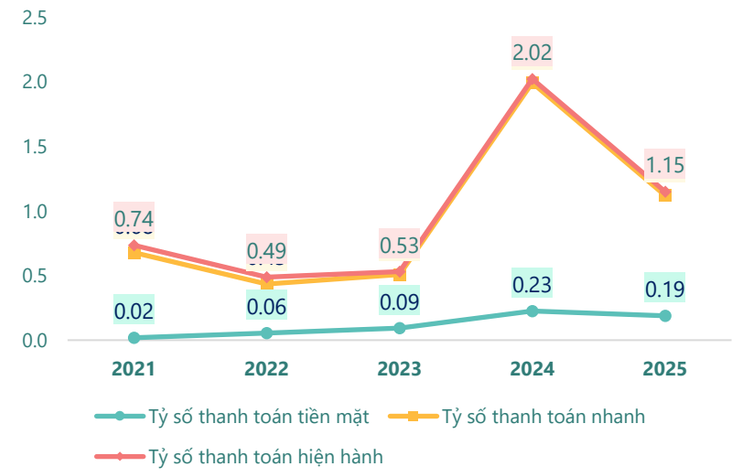
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



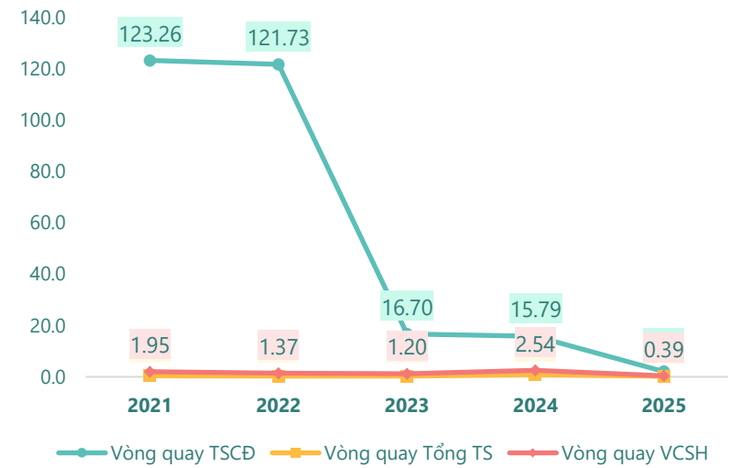
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



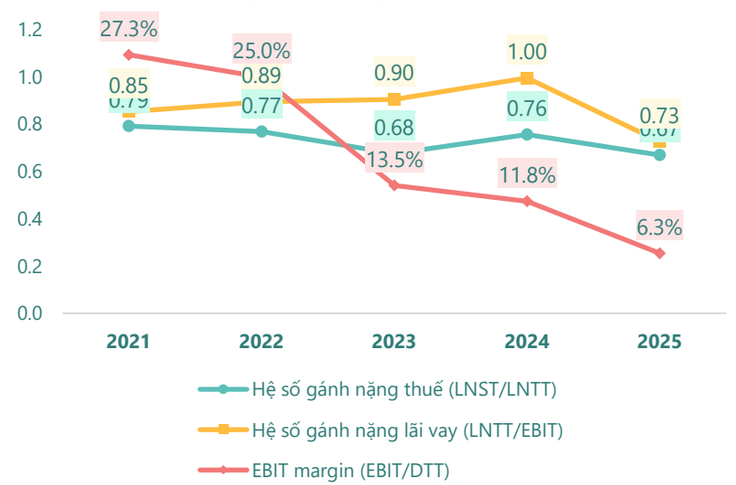
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



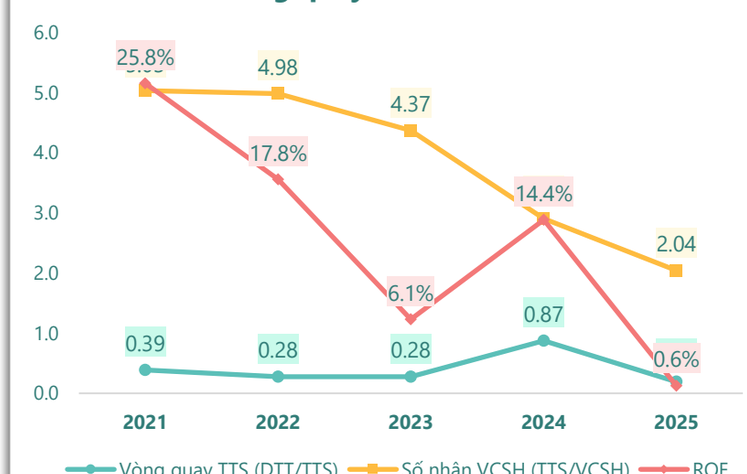
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



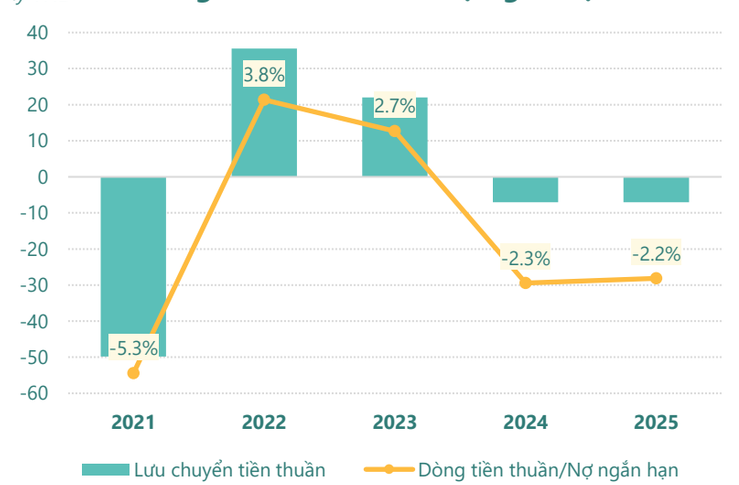
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**98.9**	**589**	**-83.2%**	**156**	**906**	**-82.8%**
Giá vốn hàng bán	85.8	424	-79.8%	133	703	-81.2%
Lợi nhuận gộp	13.1	166	-92.1%	23.1	203	-88.6%
Doanh thu HĐTC	0.04	1.47	-97.0%	5.49	8.14	-32.6%
Chi phí TC	2.23	0.42	432%	5.07	0.50	914%
Chi phí lãi vay	0	0.00		2.71	0.50	442%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.89**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	37.8	-100%	0	51.0	-100%
Chi phí QLDN	**5.64**	**11.0**	**-48.8%**	**18.2**	**32.5**	**-43.9%**
LN thuần từ HĐKD	5.26	118	-95.5%	6.14	127	-95.2%
Lợi nhuận khác	**0.18**	**-19.4**	**101%**	**1.02**	**-20.0**	**105%**
LN trước thuế	5.43	98.6	-94.5%	7.17	107	-93.3%
Lợi nhuận sau thuế	**3.23**	**75.6**	**-95.7%**	**4.79**	**80.7**	**-94.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.08**	**49.6**	**-97.8%**	**2.47**	**51.5**	**-95.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.0	12.9	-27.6	-97.2	-0.78	-33.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.87	-78.9	9.18	3.30	0.45	-2.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.00	53.0	-8.43	90.2	-7.21	66.3
Tiền đầu kỳ	57.8	80.9	67.8	41.0	37.3	29.7
Lưu chuyển tiền thuần	**23.2**	**-13.1**	**-26.8**	**-3.74**	**-7.54**	**31.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	80.9	67.8	41.0	37.3	29.7	60.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**817**	**810**	**0.8%**
Tài sản ngắn hạn	370	609	-39.3%
Tiền và tương đương tiền	60.8	67.8	-10.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	33.2	-98.5%
Phải thu ngắn hạn	290	497	-41.6%
Hàng tồn kho	9.73	9.12	6.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.46	1.53	454%
Tài sản dài hạn	**447**	**201**	**122%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	76.2	74.4	2.4%
Bất động sản đầu tư	1.62	8.61	-81.2%
Tài sản dở dang	362	112	223%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.49	0.60	149%
Tài sản dài hạn khác	**1.19**	**0.07**	**1638%**
Lợi thế thương mại	4.16	5.56	-25.2%
Nợ phải trả	425	405	4.9%
Nợ ngắn hạn	**321**	**301**	**6.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	173	78.8	120%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.4	52.6	-74.4%
Nợ dài hạn	104	104	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.03	3.03	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**391**	**405**	**-3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**391**	**405**	**-3.3%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)